SAO Y; Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; Thời gian ký: 2025-01-17T16:32:49+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 211 /QĐ-UBND	*Đà Nẵng, ngày 17 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Danh mục, Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn phần đất liền thuộc phạm vi thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 323/TTr-STNMT ngày 15 tháng 8 năm 2024, số 453/TTr-STNMT ngày 31 tháng 10 năm 2024; trên cơ sở ý kiến thống nhất của các Ủy viên UBND thành phố (Tại Công văn số 4768/VP-ĐTĐT ngày 22/11/2024 của Văn phòng UBND thành phố).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục, Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn phần đất liền thuộc phạm vi thành phố Đà Nẵng, bao gồm 6 quận (Hải Châu, Thanh Khê, Liên Chiểu, Cẩm Lệ, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn) và một phần diện tích của huyện Hòa Vang.

Danh mục, Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất có diện tích là 12,013 km^2 thuộc 22/47 xã, phường của vùng thực hiện Đề án.

(Chi tiết tại Phụ lục và Bản đồ đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tổ chức công bố Danh mục, Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; đồng thời hướng dẫn UBND cấp quận, huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định.

b) Căn cứ Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất được phê

duyệt, tổ chức thống kê, cập nhật, bổ sung thông tin, số liệu và lập danh sách các công trình khai thác hiện có thuộc các vùng hạn chế đã được công bố; lập phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định của Nghị định 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.

c) Định kỳ 05 năm (hoặc trong những trường hợp cần thiết), chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan rà soát, đề xuất với UBND thành phố điều chỉnh vùng hạn chế khai thác nước dưới đất cho phù hợp với thực tế.

d) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn thành phố.

đ) Hàng năm lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND thành phố phê duyệt để thực hiện việc hạn chế khai thác trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật về ngân sách.

e) Tham mưu UBND thành phố rà soát, điều chỉnh Danh mục, Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất sau khi hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp của thành phố Đà Nẵng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Giao các Sở, ban, ngành, đoàn thể của thành phố

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các quận, huyện tuyên truyền, phổ biến việc hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định.

b) Phối hợp quản lý, giám sát trong quá trình lập các quy hoạch, kế hoạch, đầu tư xây dựng, cho phép triển khai các dự án, đề án thuộc lĩnh vực ngành có hoạt động khai thác nước dưới đất phù hợp với quy định về việc hạn chế khai thác nước dưới đất.

3. Giao UBND các quận, huyện, xã, phường

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc công bố Danh mục và Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn theo quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.

c) Giám sát các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong việc thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định.

d) Hằng năm thường xuyên rà soát, đề xuất điều chỉnh bổ sung các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn quản lý cho phù hợp với tình hình thực tế, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo UBND thành phố.

4. Các tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xác định phương án, lộ trình thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất (nếu có) đối với công trình khai thác nước dưới đất của mình theo quy định;

- Thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất khi phương án hạn chế khai thác nước dưới đất được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2022 của UBND thành phố về việc phê duyệt Danh mục, Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành, đoàn thể của thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Thành uỷ, TT HĐND thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, ĐTĐT, STNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Nam

Phụ lục

DANH MỤC VÙNG HẠN CHẾ 1

KHU VỰC CÓ NGUỒN NƯỚC DƯỚI ĐẤT CÓ NGUY CƠ BỊ XÂM NHẬP MẶN

(Kèm theo Quyết định 2114...QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Khu vực hạn chế	Quận/huyện	Diện tích vùng hạn chế (km^2)	Chiều sâu phân bố tầng chứa nước				Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế
				qh		qp			
				Từ (m)	Đến (m)	Từ (m)	Đến (m)		
Vùng liền kề với khu vực bị nhiễm mặn có hàm lượng tổng chất rắn hòa tan từ 1.500 mg/l trở lên									
1	Khu vực liền kề biên mặn phường Hòa Hiệp Nam	Quận Liên Chiểu	1,097	0	16	16	28	qh, qp	- Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định). - Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. - Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký.
2	Khu vực liền kề biên mặn phường Hòa Hiệp Bắc	Quận Liên Chiểu	0,983	0	16	16	28	qh, qp	
3	Khu vực liền kề biên mặn phường Hòa Minh	Quận Liên Chiểu	0,387			12	28	qp	
4	Khu vực liền kề biên mặn phường Thanh Khê Tây	Quận Thanh Khê	0,286			12	28	qp	
5	Khu vực liền kề biên mặn phường Thanh Khê Đông	Quận Thanh Khê	0,130			12	28	qp	
6	Khu vực liền kề biên mặn phường Phước Ninh	Quận Hải Châu	0,103	0	12	12	25	qh, qp	
7	Khu vực liền kề biên mặn phường Bình Thuận	Quận Hải Châu	0,243	0	12	12	25	qh, qp	
8	Khu vực liền kề biên mặn phường Hòa Cường Bắc	Quận Hải Châu	0,566	0	12	12	25	qh, qp	

TT	Khu vực hạn chế	Quận/huyện	Diện tích vùng hạn chế (km^2)	Chiều sâu phân bố tầng chứa nước				Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế
				qh		qp			
				Từ (m)	Đến (m)	Từ (m)	Đến (m)		
Vùng liền kề với khu vực bị nhiễm mặn có hàm lượng tổng chất rắn hòa tan từ 1.500 mg/l trở lên									
9	Khu vực liền kề biên mặn phường Hòa Cường Nam	Quận Hải Châu	0,536	0	12	12	25	qh, qp	- Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định). - Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. - Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký.
10	Khu vực liền kề biên mặn phường Khuê Trung	Quận Cẩm Lệ	0,556	0	12	12	25	qh, qp	
11	Khu vực liền kề biên mặn phường Hòa Thọ Tây	Quận Cẩm Lệ	0,694	0	12	12	25	qh, qp	
12	Khu vực liền kề biên mặn phường Hòa Thọ Đông	Quận Cẩm Lệ	0,116	0	12	12	25	qh, qp	
13	Khu vực liền kề biên mặn phường Hòa Xuân	Quận Cẩm Lệ	0,808	0	12	12	25	qh, qp	
14	Khu vực liền kề biên mặn phường An Hải Nam	Quận Sơn Trà	0,329	0	29	29	45	qh, qp	
15	Khu vực liền kề biên mặn phường Mỹ An	Quận Ngũ Hành Sơn	0,232	0	36	36	46	qh, qp	
16	Khu vực liền kề biên mặn phường Khuê Mỹ	Quận Ngũ Hành Sơn	0,549	0	36	36	46	qh, qp	
17	Khu vực liền kề biên mặn phường Hòa Hải	Quận Ngũ Hành Sơn	0,461	0	36	36	46	qh, qp	
18	Khu vực liền kề biên mặn phường Hòa Quý	Quận Ngũ Hành Sơn	0,674	0	32	32	66	qh, qp	

TT	Khu vực hạn chế	Quận/huyện	Diện tích vùng hạn chế (km^2)	Chiều sâu phân bố tầng chứa nước				Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế
				qh		qp			
				Từ (m)	Đến (m)	Từ (m)	Đến (m)		
Vùng liền kề với khu vực bị nhiễm mặn có hàm lượng tổng chất rắn hòa tan từ 1.500 mg/l trở lên									
19	Khu vực liền kề biên mặn xã Hòa Liên	Huyện Hòa Vang	1,373	0	16	16	28	qh, qp	- Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định). - Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. - Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký.
20	Khu vực liền kề biên mặn xã Hòa Tiến	Huyện Hòa Vang	0,549	0	16	16	42	qh, qp	
21	Khu vực liền kề biên mặn xã Hòa Châu	Huyện Hòa Vang	0,902	0	16	16	42	qh, qp	
22	Khu vực liền kề biên mặn xã Hòa Phước	Huyện Hòa Vang	0,439			24	54	qp	

Ghi chú: Quá trình tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất đối với từng công trình cụ thể, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm rà soát toạ độ, địa giới hành chính để đảm bảo phù hợp với Đề án số 541/ĐA-CP ngày 27/9/2024 của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố Đà Nẵng và các văn bản pháp lý khác có liên quan./.